

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **170/2017/DS-PT**

Ngày: 30-11-2017

V/v “Tranh chấp bồi
thường thiệt hại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyền.

Các thẩm phán:

Bà Phan Thị Thu Hương.

Bà Vũ Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Bình–Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường C - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS –ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Phạm Hồng P**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N- sinh năm 1961. (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2017).

Địa chỉ: Xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1965.

Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông B, bà M có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2013 đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2014, lời trình bày của nguyên đơn Phạm Hồng P và người đại diện theo ủy quyền của anh P tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa: Anh P được UBND

huyện D cấp cho 8.812 m² đất tại thửa 492, tờ bản đồ 08 – xã C vào năm 2010 (nay là thửa 04, TBD 34 – xã C). Nguồn gốc phần đất này trước đây là của ông Phạm Văn L. Do ông L làm ăn thất bại, có cầm cố khoảng 1,6 ha đất cho người khác. Bà nội anh P (bà Nguyễn Thị C) đã bỏ tiền ra chuộc đất về nên ngày 15/5/2000 ông L đã viết giấy giao nhà, giao đất lại cho bà C. Bà C đã yêu cầu ông L làm thủ tục chuyển nhượng hơn 7.000m² lại cho ông P1 (cha ruột anh P). Phần đất còn lại thì do ông L có ký hợp đồng trồng nhãn với người khác từ năm 1999 nên tạm thời chưa sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đợi hết hợp đồng trồng nhãn vào năm 2009 thì ông L sẽ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sang tên cho anh P. Năm 2000, anh P đã thấy ông B – bà M canh tác trên đất nhưng anh nghĩ là người hợp đồng trồng nhãn nên không có ý kiến gì.

Cuối năm 2009 hết hạn hợp đồng trồng nhãn giữa ông L và người trồng nhãn nên năm 2010 ông L đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất này cho anh P. Khi anh P hoàn tất thủ tục để đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M – ông B có biết nhưng không có tranh chấp gì. Khi anh P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết bà M – ông B là người đã nhận chuyển nhượng đất từ ông L vào ngày 29/6/2000. Anh P đã làm đơn khiếu nại ra ấp. Đầu tháng 4/2011 anh phát hiện ông B – bà M bán lóp đất bề mặt cho ông Nguyễn Thành T. Anh đã ngăn cản nhưng phía ông B – bà M vẫn tiếp tục cho múc đất. Ngày 08/4/2011 anh đã làm đơn khiếu nại ra UBND xã C yêu cầu ngăn chặn nhưng do cán bộ địa chính đi học nên đến ngày 28/4/2011 UBND xã C mới xuống tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính. Qua biên bản thể hiện trên đất của anh P bị múc đất có diện tích 561,2m² (36m tam giác đều), thể tích đất bị múc là 1.403m³ đất.

Sau đó, UBND xã C mời đôi bên lên giải quyết nhưng hòa giải không thành, chuyển hồ sơ ra Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ giải quyết theo thẩm quyền. Tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, ông L thừa nhận có viết giấy tay bán cho ông B – bà M diện tích đất 3.000m², tứ cận cụ thể có ghi trong giấy. Qua đo đạc thì phần đất ông L bán cho ông B – bà M có diện tích 4.034,5m² đất thuộc một phần thửa 04, tờ bản đồ 34 – Xã C. Đôi bên có thống nhất đợi Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Mỹ giải quyết xong việc tranh chấp quyền sử dụng đất thì các bên sẽ giải quyết với nhau việc ông B – bà M múc đất bề mặt của anh P. Quá trình Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Mỹ giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất, các bên đã thỏa thuận và Tòa án đã ban hành quyết định công nhận thỏa thuận: Ông B – bà M phải trả đất lại cho anh, ông L có trách nhiệm thanh toán tiền cho ông B bà M số tiền là 60.000.000đồng. Sau đó, anh đã nhiều lần yêu cầu ông B – bà M phải lấp đất hố đất đã múc, trả nguyên hiện trạng lại cho anh nhưng ông B – bà M không thực hiện vì cho rằng không có khả năng. Sau đó, ông B bà M có đổ 40 xe đất tương đương khoảng 400 m³ để lấp.

Nay anh P yêu cầu: Ông B – bà M bồi thường chi phí san lấp phần đất đã múc trả lại nguyên trạng (sau khi trừ phần bà M ông B đã đổ đất san lấp lại) tổng cộng là 93.081.000 đồng.

* Bị đơn ông Lê Văn B bà Nguyễn Thị M trình bày: Năm 2000 ông bà mua giấy tay khoảng 3 sào đất của ông L (bác của anh P). Tứ cận do ông L chỉ. Qua đo đạc thì diện tích thực tế là 4.034,5m² đất thuộc một phần thửa 04, tờ bản

đồ 34 – Xã C. Anh P làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010 thì ông bà có biết nhưng không có ý kiến gì. Khi anh P làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có đến nói với gia đình phải trả đất lại cho anh P, có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà coi nhưng ông bà nghĩ đã mua đất từ ông L nên không chấp nhận trả đất cho anh P. Sau đó, anh P đã làm đơn khiếu nại vợ chồng ông, bà ra áp. Do suy nghĩ đất là của vợ chồng ông, bà mua nên vào tháng 3/2011 ông bà có cho ông Nguyễn Thành T mức đất để làm cái hồ chứa rác. Cái hồ có độ sâu trung bình 2,5m; diện tích hồ đất là 561,2m² với khối lượng đất bị mức 1.403m³ là đúng. Ông bà cho ông T lấy đất, không tính tiền để trừ tiền công mức đất. Ông T có đổ lại đất 40 xe khoảng 400m³ đất là đúng. Khi UBND xã C xuống lập biên bản vào đầu tháng 4/2011 thì ông T không mức đất nữa. Khi anh P khiếu nại ra UBND xã C rồi hồ sơ chuyển đến Tòa án, do đang có tranh chấp quyền sử dụng đất nên giữa đôi bên có thống nhất đợi Tòa án giải quyết xong vụ tranh chấp này thì sẽ giải quyết việc mức đất sau.

Đến ngày 20/12/2012 thì giữa ông bà thống nhất giao trả đất cho anh P, ông L trả tiền mua bán đất cho ông bà. Việc này Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận cho đôi bên. Anh P cho rằng để lấp lại cái ao đã mức thì với những chi phí mà anh liệt kê, ông bà không có ý kiến gì nhưng ông bà không đồng ý trả bất cứ khoản tiền nào cho anh P bởi vì ông bà không có khả năng để thanh toán tiền và ngay từ lúc ông bà giao trả lại đất, anh P đã chấp nhận nhận lại đất thì đương nhiên phải chấp nhận luôn việc bị mức đất, không được yêu cầu bồi thường nữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS –ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Pháp lệnh số 10 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Phạm Hồng P.

1/ Buộc ông Lê Văn B – bà Nguyễn Thị M phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Anh Phạm Hồng P số tiền 93.081.000 đồng và phải thanh toán lại cho anh P số tiền 5.500.000 đồng chi phí định giá tài sản.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của anh P nếu ông B – bà M chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Ông Lê Văn B – bà Nguyễn Thị M phải nộp 4.654.000 (Bốn triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Anh Phạm Hồng P số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Đồng Nai trước đây (số tiền 1.400.000 (Một triệu bốn trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 06820 ngày 02/10/2013 và số tiền 1.100.000 (Một triệu một trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 006591 ngày 22/7/2014).

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ có Quyết định số 191/2017/KNPT- DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS –ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai do bỏ sót tư cách đương sự và thu thập chứng cứ không đầy đủ, không đủ căn cứ để giải quyết vụ án, áp dụng thiếu điều luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, HĐXX đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được HĐXX thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là ông L và ông T. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị M làm quá thời hạn luật định, đã không được chấp nhận kháng cáo quá hạn, nên không được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B bà M có nộp chứng cứ mới là Phiếu khám sức khỏe tâm thần của ông Lê Văn B do Bệnh viện tâm thần Trung ương 2 cấp ngày 27/11/2017. Đây là chứng cứ mới mà ở cấp sơ thẩm các đương sự chưa có để nộp nên được chấp nhận là chứng cứ mới.

[3] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ làm trong hạn Luật định và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị nên Hội đồng xét xử tiếp tục xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ đề nghị hủy bản án sơ thẩm 05/2017/DS –ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ do xác định thiếu người tham gia tố tụng xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản vì cho rằng tài sản là diện tích đất của mình bị ông B bà M cho người đào, mức

mang đi nơi khác gây thiệt hại. Đây là yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng. Nguyên tắc bồi thường phải xác định trên cơ sở có thiệt hại tài sản xảy ra, phải có hành vi gây thiệt hại và hành vi đó phải trái pháp luật (tức là có lỗi của người có hành vi) và giữa hành vi và thiệt hại có mối liên hệ nhân quả.

Chứng cứ thu thập thể hiện: Diện tích đất 8.812 m² đất tại thửa 492, tờ bản đồ 08 – Xã C các đương sự đều xác nhận trước đây là của ông Phạm Văn L nên được coi là tình tiết không cần phải chứng minh. Ngày 29/6/2000, ông L đã làm giấy tay sang nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị M diện tích 3.000m² (các đương sự đều thừa nhận diện tích đo thực tế là 4.034,5m²) có ghi rõ tứ cận và có hai người làm chứng, có xác nhận của tổ trưởng khu dân cư (BL 174,175). Sau khi sang nhượng, ông B bà M đã nhận đất và sử dụng trồng cây không ai có ý kiến gì. Việc anh P cho rằng, đất đã được ông L giao cho bà nội anh là bà Nguyễn Thị C thể hiện bằng tờ giấy tay ghi ngày 15/5/2000 không có ai xác nhận và không xác định diện tích (BL 173) nên chưa đủ căn cứ khẳng định, phần đất ông B bà M đào ao là do ông L giao cho anh P trước khi làm thủ tục chuyển nhượng cho ông B bà M. Ngày 13/7/2010, ông L mới làm hợp đồng tặng cho anh P diện tích 8.812 m². Việc bà M, ông B giao lại đất cho anh P là trên cơ sở hòa giải thỏa thuận, ông L phải trả lại tiền giá trị đất cho bà M, ông B. Như vậy, khi ông B bà M đào đất thì họ đang là người được giao đất ngay tình do chuyển nhượng và họ sử dụng, định đoạt trên cơ sở chuyển nhượng đất từ ông L. Lúc này chưa đủ căn cứ xác định đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh P nên chưa đủ căn cứ để xác định hành vi thuê đào đất của ông B bà M là hành vi trái pháp luật làm xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của anh P tức là ông B bà M không có lỗi. Chỉ khi bà M, ông B biết đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh P và anh P có cản trở, tranh chấp chưa được giải quyết mà ông B bà M vẫn tiếp tục cho đào đất thì mới là vi phạm. Việc ông B bà M bị xử phạt hành chính do hành vi đào đất chỉ là vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý môi trường và tài nguyên, đây là vi phạm đối với Nhà nước (BL 177). Việc ông L đã chuyển nhượng cho ông B sử dụng đất rồi lại làm thủ tục tặng cho anh P là lỗi của ông L. Việc ông B bà M có gây ra thiệt hại trong quá trình sử dụng đất là do hậu quả của việc chuyển nhượng, tặng cho không đúng pháp luật của ông L. Lỗi thuộc về ông L và ông phải là người chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm trong việc bồi thường thiệt hại. Cấp sơ thẩm không đưa ông L tham gia tố tụng là bỏ sót, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ về nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, phía bà M, ông B có xuất trình Giấy khám sức khỏe tâm thần kết luận: Ông B chậm phát triển tâm thần. Đây là tình tiết mới

chưa được làm rõ để xác định ông B có đủ năng lực hành vi dân sự để tham gia tố tụng hay không, nếu không đủ năng lực hành vi thì phải được tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự và cử người đại diện tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm. Cấp phúc thẩm không thể bổ sung nên chưa đủ cơ sở giải quyết vụ án đúng pháp luật. Cần phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại để thu thập chứng cứ làm rõ và bổ sung tư cách tham gia tố tụng.

[5] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân về việc cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ: Căn cứ để cấp sơ thẩm xác định thiệt hại là khối lượng đất bị đào thể hiện trong Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai lập ngày 05/5/2011 do cán bộ địa chính xã và Phó Chủ tịch UBND xã C lập nhưng bà M, ông B và anh P không ký tên (BL 11,12). Khối lượng đất bị đào thể hiện trong biên bản được tính dựa vào số đo kích thước bề mặt phần đất bị đào, không có kích thước đo độ sâu và không được tính toán bởi cơ quan chuyên môn có thẩm quyền nên không đủ cơ sở để làm căn cứ giải quyết vụ án. Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Nội dung Kháng nghị của Viện kiểm sát về việc bản án sơ thẩm áp dụng thiếu điều luật là đúng nên chấp nhận.

Do vậy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân huyện Cẩm Mỹ, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản giữa nguyên đơn Anh Phạm Hồng P với bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Lê Văn B.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Cẩm Mỹ;
- THA DS huyện D;
- THADS tỉnh E;
- Các đương sự;
- Lưu (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Tuyền